

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2022/DS-ST

Ngày: 16-8-2022

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyễn

2. Bà Trần Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại A;

Địa chỉ trụ sở chính: 198 X, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Vũ Trung K**, sinh năm: 1974 hoặc ông **Trần Hải Thanh S**, sinh năm: 1990; Cùng địa chỉ: 321-323-325 đường Y, Khu dân cư L, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền lập ngày 05/4/2022).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Diệp Văn L, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: 11 X, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 228/B Tổ 01, ấp T, xã N, Huyện C, Đồng Tháp.

(Ông S có mặt, ông D và bà H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2021 của Ngân hàng A và bản tự khai của ông Trần Hải Thanh S là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/12/2019 ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0405 với Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng A) Chi nhánh Y để vay số tiền 33.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 240 tháng, mục đích vay là bù đắp tiền mua nhà tại địa chỉ 11 X, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, phương thức cho vay từng lần; lãi suất cho vay 8,1%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi tiếp theo bằng lãi suất huy động vốn VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng 3,5%/tháng nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của từng sản phẩm theo thông báo của bên cho vay tại thời điểm đó, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên của ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 11 X, Phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS 01240 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/07/2019. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/017/19/0340 ngày 03/12/2019. Ngân hàng đã giải ngân khoản vay trên cho ông L và bà H.

Ngày 24/02/2022 ông D được cấp thẻ tín dụng với số tài khoản là VP0170000203, loại thẻ Visa Platinum, hạn mức 500.000.000 đồng, ngày hiệu lực 02/25. Ông L kích hoạt thẻ vào ngày 26/03/2021. Tính đến ngày 14/8/2022 ông L còn nợ thẻ tín dụng số tiền 212.793.091 đồng, trong đó: nợ gốc là 174.300.093 đồng và lãi phát sinh, phí thường niên là 38.492.998 đồng.

Kể từ sau khi nhận tiền vay, ông L không thanh toán cho ngân hàng bất kỳ khoản nợ gốc nào như thỏa thuận thời điểm phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Khoản vay của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0405 ngày 03/12/2019 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 14/4/2021. Tuy nhiên đến nay, ông L và bà H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho ngân hàng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng, gây khó khăn lớn cho quá trình xử lý, thu hồi nợ xấu của ngân hàng, công tác thu hồi vốn của Nhà nước.

Do đó, Ngân hàng A yêu cầu ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H trả cho

Ngân hàng A toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 14/8/2022 theo các hợp đồng nêu trên là 40.523.970.911 đồng. Trong đó:

Đối với Hợp Đồng Cho Vay Từng Lần Trung Dài Hạn số 017/19/01/0405 ký ngày 03/12/2019 là 40.311.177.820 đồng, gồm:

+ Dư nợ gốc	: 33.000.000.000 đồng
+ Dư nợ lãi trong hạn	: 7.228.941.489 đồng
+ Lãi quá hạn	: 82.236.331 đồng

- Dư nợ Thẻ tín dụng VP0170000203 theo hợp đồng tín dụng thẻ số 017.TDCN.20.00020 với số tiền là: 212.793.091 đồng; trong đó dư nợ gốc là: 174.300.093 đồng và dư nợ lãi, phí thường niên là 38.492.998 đồng.

Và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí tiếp tục phát sinh phát sinh tiếp theo từ ngày 15/8/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng vay đã ký cho đến khi ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Trường hợp ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực phát luật thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H theo Hợp Đồng Thế Chấp Quyền Sử Dụng Đất số 01/017/19/0340 ngày 03/12/2019 để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm, sau khi trừ đi chi phí hợp pháp, hợp lệ liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và các khoản nợ phải thanh toán cho Ngân hàng A. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng A thì ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản nợ gốc, lãi và phí còn lại cho Ngân hàng A theo hợp đồng cho vay đã ký kết.

Ngoài ra, ông S không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 463, Điều 466

Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H; ông L, bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H. Theo Điều 14 của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0405 thì Ngân hàng A và ông Diệp Văn L, bà Phạm Thị H thỏa thuận “các bên nhất trí giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng A - chi nhánh Y có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Di và bà H theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A thì có cơ sở xác định ngày 03/12/2019 ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H có ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0405 với Ngân hàng A và được Ngân hàng A duyệt vay và giải ngân vốn cho vay vào ngày 04/12/2019 với số vay số tiền 33.000.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn thì lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng đầu là 8,1%/năm và lãi suất trong thời gian tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của Ngân hàng A cộng (+) 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của từng sản phẩm theo thông báo của Ngân hàng A tại thời điểm đó, kỳ điều chỉnh lãi suất là 03 tháng/lần; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả theo thông báo của Ngân hàng A từng thời kỳ; thời hạn vay 240 tháng; mục đích vay để bù đắp tiền mua quyền sử dụng đất tại địa chỉ 11 X, Phường P, Quận Y, Thành phố Hồ

Chí Minh; phương thức trả nợ gốc là trả chậm theo lịch trả nợ vào ngày 01 dương lịch hàng tháng trong vòng 240 tháng như sau: ngày trả gốc đầu tiên là ngày 05/01/2020, kỳ trả nợ là 01 tháng, mỗi tháng trả 144.700.000 đồng, tháng cuối cùng trả 153.100.000 đồng.

[4] Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

[5] Theo Hợp đồng cho vay ngày 03/12/2019 giữa Ngân hàng A với ông L và bà H thỏa thuận số tiền vay là 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng), tất toán của hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0405 là ngày 04/12/2039. Căn cứ Giấy nhận nợ được ông L ký xác nhận vào ngày 04/12/2019 Ngân hàng A đã giải ngân số tiền vay 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng) cho ông Diệp Văn L thông qua tài khoản số 0178000020812 của ông L tại Ngân hàng A. Như vậy, Ngân hàng A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận.

[6] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

[7] Quá trình tố tụng, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H. Tại phiên tòa hôm nay ông L và bà H vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, ông D, bà H đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật. Điều này cho thấy ông L và bà H không có thiện chí hòa giải cũng như thanh toán các khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng A.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A xác nhận đến ngày 14.8.2022 ông L, bà H chưa trả cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền vay và lãi suất nào và hiện nay còn nợ ngân hàng số tiền vốn gốc 33.000.000.000 đồng và lãi phát sinh là 7.311.177.820 đồng, gồm: lãi trong hạn 7.228.941.481 đồng và lãi quá hạn là 82.236.331 đồng. Ông L và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi theo hợp đồng đã ký.

[9] Theo quy định tại điểm 6.2 Điều 6 của Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0405 ký ngày 03/12/2019 giữa ông L, bà H và Ngân hàng A quy định tiền lãi trong trường hợp bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc hoặc tiền lãi như sau: mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn quy định tại khoản 6.1 Điều này kể từ thời

điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi Khách hàng trả hết Dư nợ gốc bị quá hạn. Căn cứ vào Điều 13 của hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng A có quyền chấm dứt cho vay, yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và xử lý nợ đối với ông L, và H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

[10] Căn cứ yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế A Visa Platinum giữa ông Diệp Văn L đối với Ngân hàng A, ngày 24/02/2020 Ngân hàng A đã phát hành thẻ Visa Platinum với số tài khoản VP0170000203 với hạn mức tín dụng 500.000.000 đồng hiệu lực đến tháng 02/25. Ông L đã kích hoạt thẻ sử dụng vào ngày 24/02/2020, quá trình sử dụng thẻ trên ông L đã sử dụng vay số tiền 174.300.093 đồng. Đến hạn thanh toán do ông L không thanh toán đúng như thỏa thuận mở thẻ tín dụng nên ngày 19/7/2021 ngân hàng đã khóa tài khoản trên của ông L. Căn cứ vào Điều 3 và Điều 4 của Hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế A Visa Platinum số 017.TDCN.20.00020 giữa Ngân hàng A với ông Diệp Văn L thì do ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ nên ngân hàng A có quyền khóa thẻ và yêu cầu thanh toán toàn bộ dư nợ thẻ và lãi phát sinh tính đến ngày 14/8/2022 với số tiền 212.793.091 đồng, trong đó: nợ gốc là 174.300.093 đồng và lãi phát sinh, phí thường niên là 38.492.998 đồng là có căn cứ nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Để bảo đảm khoản tín dụng trên, ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H có thể chấp cho Ngân hàng A tài sản là Quyền sử dụng đất với diện tích 92,53 m² thuộc thửa 299 tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ 11 X, Phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS01240 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/07/2019 cùng các tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/017/19/0340 được Văn phòng công chứng V chứng nhận số 023274 quyền số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/12/2019. Do ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ điểm 13.3.5 khoản 13.3 Điều 13 của Hợp đồng tín dụng và khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ông L, bà H để thanh toán các khoản nợ vay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Ngoài ra, từ ngày 15/8/2022 ông L và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[13] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[14] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

- Buộc ông Diệp Văn L, bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền 40.311.177.820 (bốn mươi tỷ ba trăm mười một triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi) đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0405 ký ngày 03/12/2019 gồm: Dư nợ gốc 33.000.000.000 (ba mươi ba tỷ) đồng, lãi trong hạn 7.228.941.489 (bảy tỷ hai trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi một ngàn bốn trăm tám mươi chín) đồng và lãi quá hạn 82.236.331 (tám mươi hai triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi một) đồng.

- Buộc ông Diệp Văn L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A nợ thẻ tín dụng VP0170000203 số tiền 212.793.091 (hai trăm mười hai triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn không trăm chín mươi một) đồng, gồm: dư nợ gốc là: 174.300.093 (một trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ngàn không trăm chín mươi ba) đồng và dư nợ lãi, phí thường niên là 38.492.998 (ba mươi tám triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn chín trăm chín mươi tám) đồng.

Ông L, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 15/8/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông Diệp Văn L, bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên, Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/017/19/0340 giữa ông Diệp Văn L, bà Phạm Thị H và Ngân hàng A được Văn phòng công chứng V Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực số 023274, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/12/2019 là quyền sử dụng đất phần đất diện tích 92,53 m² thuộc thửa 299 tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ 11 X, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS 01240 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/07/2019 cùng các tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

4.1. Ông Diệp Văn L và bà Phạm Thị H chịu 148.311.178 (một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm mười một ngàn một trăm bảy mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Diệp Văn L chịu 10.639.655 (mười triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 72.391.009 (bảy mươi hai triệu ba trăm chín mươi một ngàn không trăm lẻ chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040140 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Trọng thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

(1) **TM HỘI**
(2) **ĐỒNG XÉT XỬ**
(1) **SƠ THẨM**
(3) **THẨM**
(3) **PHÁN – CHỦ**
TỌA PHIÊN TÒA

2AAKKAΘ*γηδχαγ+

Đỗ Thị Duy
Linh